HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 88/2026/NQ-HĐND	*Thái Nguyên, ngày 23 tháng 9 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khoẻ, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2026/QH16 ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khoẻ, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 34/2026/TT-BYT ngày 08 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Xét Tờ trình số 342/TTr-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực

hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khoẻ, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 349/BC-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các Tổ đại biểu tại Kỳ họp thứ tám (Kỳ họp chuyên đề), Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XV; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau đây viết tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các xã, phường và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình

1. Việc phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình phải tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Việc phân bổ vốn được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; ưu tiên phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước cho 11 xã vùng ATK Định Hóa, ATK Chợ Đồn (gồm: Định Hóa, Bình Yên, Trung Hội, Phượng Tiến, Phú Đình, Bình Thành, Kim Phượng, Lam Vỹ, Chợ Đồn, Nghĩa Tá, Yên Thịnh). Ưu tiên bố trí vốn cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để tăng cường năng lực y tế cơ sở, y tế dự phòng, dân số và phát triển;

b) Việc phân bổ căn cứ nhu cầu vốn thực tế hợp lệ của các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình, bảo đảm không trùng lặp nội dung chi, đối tượng thụ hưởng, hạng mục, khối lượng đã được ngân sách nhà nước hoặc nguồn vốn hợp pháp khác bảo đảm. Ưu tiên bố trí vốn cho dự án, nhiệm vụ cấp thiết, có đầy đủ thủ tục theo quy định, có khả năng triển khai, giải ngân và hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

c) Trường hợp nhu cầu vốn thực tế thấp hơn mức vốn xác định theo tiêu chí, hệ số, định mức thì bố trí bằng nhu cầu vốn thực tế; phần chênh lệch còn lại được xem xét phân bổ cho cơ quan, đơn vị, địa phương khác có nhu cầu, đủ điều kiện triển khai và khả năng giải ngân, bảo đảm đúng mục tiêu của Chương trình;

d) Trường hợp nhu cầu vốn thực tế vượt mức ngân sách Trung ương hỗ trợ và ngân sách tỉnh đối ứng, xác định theo tiêu chí, hệ số, định mức của Chương trình, cơ quan, đơn vị, địa phương và đơn vị thụ hưởng có trách nhiệm chủ động cân đối, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để bảo đảm hoàn thành toàn bộ quy mô đầu tư của dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

3. Bảo đảm công khai, minh bạch trong phân bổ kế hoạch vốn; kịp thời điều chỉnh vốn từ nơi không còn nhu cầu, chậm tiến độ hoặc sử dụng không hiệu quả sang nơi có nhu cầu và khả năng thực hiện theo đúng thẩm quyền.

4. Trường hợp không còn nhu cầu sử dụng vốn, sử dụng vốn không hiệu quả, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh có trách nhiệm kịp thời báo cáo và trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh, phân bổ cho địa phương, đơn vị khác có nhu cầu và khả năng thực hiện.

Điều 4. Tiêu chí, hệ số phân bổ ngân sách Trung ương cho các xã, phường

1. Tiêu chí, hệ số điểm phân bổ cho các xã, phường

Tiêu chí, hệ số điểm phân bổ ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình cho các xã, phường căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ và điều kiện thực tế của tỉnh, xây dựng 6 tiêu chí với hệ số điểm phân bổ như sau:

a) Tiêu chí 01: Theo khu vực (H_{kv})

Mức điểm phân bổ được xác định bằng hệ số điểm của đơn vị hành chính cấp xã theo từng khu vực như sau:

a1) Xã an toàn khu vùng ATK Định Hóa, ATK Chợ Đồn; xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: H_{kv} = 250 điểm;

a2) Xã khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: H_{kv}= 200 điểm;

a3) Xã khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: H_{kv} = 150 điểm;

a4) Xã, phường còn lại: H_{kv} = 100 điểm.

Trường hợp một xã, phường đồng thời thuộc từ hai nhóm địa bàn ưu tiên trở lên quy định tại điểm này thì chỉ áp dụng một hệ số H_{kv} ở mức cao nhất.

b) Tiêu chí 02: Theo tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi cân đối ngân sách địa phương ($H_{cđns}$)

Căn cứ theo tỷ lệ số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên/ tổng chi cân đối ngân sách địa phương:

b1) Các xã, phường có tỷ lệ số bổ sung cân đối/ tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 70% trở lên: $H_{cđns}$ = 150 điểm;

b2) Các xã, phường có tỷ lệ số bổ sung cân đối/ tổng chi cân đối ngân sách địa phương từ 30% đến dưới 70%: $H_{cđns}$ = 100 điểm;

b3) Các xã, phường có tỷ lệ số bổ sung cân đối/ tổng chi cân đối ngân sách địa phương dưới 30%: $H_{cđns}$ = 50 điểm.

c) Tiêu chí 03: Theo quy mô dân số (H_{ds})

Căn cứ dân số của từng xã, phường, hệ số điểm theo quy mô dân số được xác định như sau:

c1) Từ 50.000 dân trở lên: H_{ds} = 200 điểm;

c2) Từ 30.000 dân đến dưới 50.000 dân: H_{ds} = 150 điểm;

c3) Từ 10.000 dân đến dưới 30.000 dân: H_{ds} = 100 điểm;

c4) Dưới 10.000 dân: H_{ds} = 50 điểm.

d) Tiêu chí 04: Theo quy mô diện tích (H_{dt})

Căn cứ quy mô diện tích của từng xã, phường, hệ số điểm theo quy mô diện tích được xác định như sau:

d1) Diện tích từ 150 km^2 trở lên: H_{dt} = 80 điểm;

d2) Diện tích từ 100 km^2 đến dưới 150 km^2: H_{dt} = 50 điểm;

d3) Diện tích từ 50 km^2 đến dưới 100 km^2: H_{dt} = 40 điểm;

d4) Diện tích dưới 50 km^2: H_{dt} = 20 điểm.

đ) Tiêu chí 05: Theo tỷ trọng dân số 65 tuổi trở lên (H_{nct})

Căn cứ tỷ trọng dân số 65 tuổi trở lên của từng xã, phường, hệ số điểm theo tiêu chí này được xác định như sau:

đ1) Tỷ trọng dân số 65 tuổi trở lên trên 14,0%: H_{nct} = 10 điểm;

đ2) Tỷ trọng dân số 65 tuổi trở lên từ 7,0% đến 14,0%: H_{nct} = 5 điểm;

đ3) Tỷ trọng dân số 65 tuổi trở lên dưới 7,0% : H_{nct} = 1 điểm.

e) Tiêu chí 06: Theo tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi (H_{dd})

Căn cứ tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của từng xã, phường, hệ số điểm theo tiêu chí này được xác định như sau:

e1) Tỷ lệ trên 20%: H_{dd} = 10 điểm;

e2) Tỷ lệ từ 10% đến 20%: H_{dd} = 5 điểm;

e3) Tỷ lệ dưới 10%: H_{dd} = 1 điểm.

2. Phương pháp xác định kết quả phân bổ ngân sách nhà nước

a) Phương pháp tính phân bổ kinh phí thường xuyên ngân sách nhà nước cho xã, phường i (K_{txi}) được xác định theo phương pháp tính điểm tổng hợp:

$$K_{txi} = \frac{S_{txi}}{\Sigma S_{txi}} \times K_{tx}$$

Trong đó:

- K_{tx} là tổng kinh phí thường xuyên của Chương trình phân bổ cho các xã, phường trong giai đoạn hoặc hằng năm;

- S_{txi} là tổng điểm phân bổ kinh phí thường xuyên của xã, phường i;

- ΣS_{txi} là tổng điểm của các xã, phường được phân bổ kinh phí thường xuyên.

Tổng điểm phân bổ kinh phí thường xuyên của xã, phường i (S_{txi}) được xác định như sau:

$$S_{txi} = H_{kvi} + H_{cđnsi} + H_{dsi} + H_{dti} + H_{ncti} + H_{ddi}$$

Phương pháp tính trên áp dụng cho cả nguồn ngân sách Trung ương và nguồn đối ứng của tỉnh phân bổ cho xã, phường.

b) Phương pháp tính phân bổ vốn đầu tư công ngân sách nhà nước cho xã, phường được xác định như sau:

$$V_{đti} = \frac{S_{đti}}{\Sigma S_{đti}} \times V_{đt}$$

Trong đó:

- $V_{đt}$ là tổng vốn đầu tư công của Chương trình phân bổ cho các xã, phường trong giai đoạn hoặc hằng năm;

- $S_{đti}$ là tổng điểm phân bổ vốn đầu tư công của xã, phường i;

- $\Sigma S_{đti}$ là tổng điểm của các xã, phường được phân bổ vốn đầu tư công;

- $V_{đti}$ là vốn đầu tư công ngân sách Trung ương phân bổ cho địa phương thuộc đối tượng hỗ trợ.

Tổng điểm phân bổ vốn đầu tư công của xã, phường i ($S_{đti}$) được xác định như sau:

$$S_{đti} = H_{kvi} + H_{cđnsi} + H_{dsi} + H_{dti}$$

Phương pháp tính trên áp dụng cho cả nguồn ngân sách Trung ương và nguồn đối ứng của tỉnh phân bổ cho xã, phường.

3. Nguồn số liệu

a) Nguồn dữ liệu chính thức trong niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2025 (Chỉ tiêu về quy mô dân số; Chỉ tiêu quy mô diện tích);

b) Số lượng, danh sách xã khu vực I, II, III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

c) Số liệu về tỷ lệ số bổ sung cân đối từ cấp trên/tổng chi cân đối ngân sách địa phương của các xã, phường được xác định theo dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 theo Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 tỉnh Thái Nguyên;

d) Số liệu về tỷ lệ suy dinh dưỡng, tỷ trọng dân số 65 tuổi trở lên. Căn cứ số liệu từ niên giám thống kê, số liệu về chuyên môn y tế năm 2025.

Điều 5. Tiêu chí phân bổ ngân sách Trung ương cho các sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

Ngân sách nhà nước bố trí cho các sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, các đơn vị để thực hiện Chương trình được xác định căn cứ các tiêu chí sau:

a) Nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, các đơn vị được giao chủ trì thực hiện tại Kế hoạch thực hiện Chương trình của cấp có thẩm quyền. Nhiệm vụ, dự án đầu tư thực hiện Chương trình phải bảo đảm theo đúng đối tượng, nội dung thực hiện các dự án, tiểu dự án Chương trình theo quy định;

b) Khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và nhu cầu vốn để thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc bổ sung, điều chỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Nội dung, tính chất và phạm vi nhiệm vụ của từng sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh phải phù hợp với chức năng nhiệm vụ, không trùng lặp về nội dung chi và đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho các xã, phường, nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác hoặc nhiệm vụ chi khác đã được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của từng sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;

d) Kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả giải ngân vốn của các sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, các đơn vị trong năm trước liền kề và 6 tháng đầu năm thực hiện.

Điều 6. Định mức phân bổ ngân sách Trung ương

1. Định mức phân bổ ngân sách cho các sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

Căn cứ tổng kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình được cấp có thẩm quyền giao, nhu cầu vốn thực tế hợp lệ, khối lượng nhiệm vụ và khả năng triển khai, bố trí tối đa 10% kinh phí để các sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung của Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm bảo đảm không trùng lặp nội dung chi, đối tượng thực hiện với các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án và các nhiệm vụ chi khác.

2. Định mức phân bổ ngân sách cho các xã, phường

a) Trên cơ sở các tiêu chí quy định tại Điều 4, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ ngân sách thực hiện Chương trình cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bảo đảm không thấp hơn 90% tổng ngân sách bố trí thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm. Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ chi tiết kế hoạch vốn trong phạm vi được phân cấp theo Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên phân cấp thẩm quyền quyết định phân bổ chi tiết nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi thường xuyên; phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và quy định pháp luật có liên quan.

b) Việc phân bổ ngân sách tại xã, phường phải bảo đảm không trùng lặp nội dung, đối tượng với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác thực hiện trên cùng địa bàn.

Điều 7. Vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình

Vốn đối ứng của ngân sách cấp tỉnh bảo đảm tối thiểu bằng 10,1% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình (theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg).

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 04 tháng 10 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, Kỳ họp thứ tám (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 23 tháng 9 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Lương